TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2019
V/v ”Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Lục Văn Vãn.
2. Bà: Vũ Thị Hòa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Thế Trung-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 224/2019/TLST-HNGĐ ngày 3 tháng 9 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn S, sinh năm 1982.
Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Nhân viên.
Địa chỉ: Tổ 55, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm 1980.
Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Nhân viên.
Địa chỉ: Thôn S, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 19 tháng 8 năm 2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Trương Văn S trình bày: Anh và chị Mai Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 8 năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, chị H có lời nói không tôn trọng anh và bố mẹ của anh dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Từ tháng 7 năm 2018 thì vợ chồng không sống chung, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh và chị Mai Thị H có 01 con chung, cháu Trương

Nhật A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2015. Đề n ghị Tòa án giải quyết giao cháu Trương Nhật A cho anh quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung : Anh Trương Văn S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của chị Mai Thị H trình bày: Chị và anh Trương Văn S tự nguyên đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 8 năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình dẫn đến cả hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thiếu tôn trọng nhau và anh S không trách nhiệm với gia đình. Đến tháng 7 năm 2018, anh chị không sống chung, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai . Chị H nhất trí ly hôn với lý do tình cảm vợ chồng sống không hạnh phúc .

Về quan hệ con chung: Chị và anh Trương Văn S có 01 con chung, cháu Trương Nhật A , sinh ngày 24 tháng 7 năm 2015. Đề n ghị Tòa án giải quyết cháu Trương Nhật A cho chị quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trương Văn S phải cấp dưỡng hàng tháng nuôi con chung số tiền là 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Trương Nhật A trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung: Chị Mai Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trương Văn S và chị Mai Thị H đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn . Anh Trương Văn S đề nghị nếu Tòa án giao con chung cho chị Mai Thị H quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng số tiền là 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Trương Nhật A trưởng thành.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Điều 147 Bộ luật tố tụng dân S; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Văn S như sau:

Về quan hệ hôn nhân : Công nhận S thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa Trương Văn S và chị Mai Thị H.

Về quan hệ con chung : Giao cháu Trương Nhật A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2015 cho chị Mai Thị H quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Trương Văn S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền là 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Trương Nhật A trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn S và chị Mai Thị H tự nguyện đăng ký kết kết hôn ngày 28 tháng 8 năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau . Từ tháng 7 năm 2018 vợ chồng không sống chung, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai. Anh chị thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc và S thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[1.2] Về quan hệ con chung: Anh Trương Văn S đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung, cháu Trương Nhật A cho anh quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận định anh Trương Văn S và chị Mai Thị H đều nghề nghiệp thu nhập hàng tháng ổn định có khả năng điều kiện, đảm bảo cuộc sống của bản thân và nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên cháu Trương Nhật A còn nhỏ và trong thời gian anh chị không sống chung thì chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay. Do vậy, chị Mai Thị H yêu cầu quyền trực tiếp nuôi con chung cần chấp nhận là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[1.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Thị H đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Trương Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh S nhất trí, nếu Tòa án giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng thì anh cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy anh Trương Văn S nghề nghiệp ổn định thu nhập đảm bảo cuộc sống bản thân, đủ khả năng cấp dưỡng, nên cần chấp nhận buộc anh Trương Văn S hàng tháng cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[2] Về quan hệ tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc anh Trương Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn S và chị Mai Thị H.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Trương Nhật A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2015 cho chị Mai Thị H quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trương Văn S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng đến khi cháu Trương Nhật A trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật , chị Mai Thị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng anh Trương Văn S phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc anh Trương Văn S phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do anh Trương Văn S đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0006300 ngày 3 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Như vậy, anh Trương Văn S còn phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân S sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- Chi cục THADS TP;
- Đương sự;
- STP;
- UBND xã V,
thành phố L, tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Thái Hà